

PHU LUC

**69 CĂN NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI THUỘC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ THEO QUY HOẠCH
(GEM SKY WORLD) TẠI XÃ LONG ĐỨC, HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

(Kèm theo Văn bản số /SXD-QLN-TTBDS ngày / /2024 của Sở Xây dựng)

Stt	Thông tin về đất								Thông tin về nhà					
	Ký hiệu thửa đất	Số thửa đất	Số tờ bản đồ	Diện tích đất (m2)	Mục đích sử dụng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất			Ký hiệu mẫu nhà	Diện tích xây dựng tầng 1 (m2)	Tổng DTSXD mỗi căn (m2)	Tầng cao	Chức năng nhà ở	Văn bản thẩm định thiết kế
						Số Giấy chứng nhận	Ngày cấp	Cơ quan cấp						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	LK-08B-07	644	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY525922	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-B	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
2	LK-09A-14	696	6	152	Đất ở tại nông thôn	CY525974	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-F	82,4	297,1	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
3	LK-09B-08	717	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525995	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-B	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
4	LK-09B-09	718	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525996	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
5	LK-09D-10	736	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611014	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
6	LK-17B-10	936	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611185	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
7	LK-17B-12	928	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611187	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020

8	LK-08A-01	633	6	152	Đất ở tại nông thôn	CY 525911	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-F	82,4	297,1	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
9	LK-08A-02	639	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525917	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
10	LK-08A-03	640	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525918	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
11	LK-08A-05	642	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525920	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
12	LK-08A-06	643	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525921	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
13	LK-08B-01	647	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525925	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-B	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
14	LK-08B-02	653	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525931	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
15	LK-08B-04	655	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525933	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
16	LK-08B-05	656	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525934	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
17	LK-08C-01	661	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525939	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-B	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
18	LK-08C-06	673	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525951	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020

19	LK-08C-08	675	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525953	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-B	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
20	LK-08D-01	677	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525955	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-B	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
21	LK-08D-02	683	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525961	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
22	LK-08D-03	684	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525962	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
23	LK-08D-04	685	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525963	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
24	LK-08D-06	687	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525965	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
25	LK-09A-12	694	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525972	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
26	LK-09A-13	695	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525973	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
27	LK-09B-10	706	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525984	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
28	LK-09B-11	707	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525985	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
29	LK-09B-12	708	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525986	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020

30	LK-09B-13	709	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525987	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
31	LK-09C-10	720	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525998	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
32	LK-09C-11	721	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 525999	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
33	LK-09C-12	722	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 526000	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
34	LK-09D-13	739	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611017	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
35	LK-09D-14	740	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY611018	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-B	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
36	LK-16A-07	862	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611121	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-B	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
37	LK-16C-07	892	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611151	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-B	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
38	LK-16D-02	903	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611817	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
39	LK-17A-10	912	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611171	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
40	LK-17A-11	913	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611172	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020

41	LK-17A-12	914	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611173	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
42	LK-17A-13	915	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611174	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
43	LK-17A-14	916	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611175	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-C	89,3	318	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
44	LK-17A-08	923	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611182	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-B	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
45	LK-17A-09	924	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611183	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
46	LK-17B-11	927	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611186	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
47	LK-17B-13	929	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611188	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
48	LK-17B-14	930	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611189	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
49	LK-17B-15	931	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611190	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-A	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
50	LK-17B-16	932	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611191	1/2/2021	Sở TNMT	SH1-B	92,9	328,7	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 2212/SXD-QLXD ngày 23/06/2020
51	LK-27B-14	1861	6	132	Đất ở tại nông thôn	CY 639469	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-C	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020

52	LK-27B-15	1862	6	132	Đất ở tại nông thôn	CY 639470	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-C	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
53	LK-27B-16	1863	6	132	Đất ở tại nông thôn	CY 639471	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-B	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
54	LK-27B-17	1864	6	132	Đất ở tại nông thôn	CY 639472	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-A	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
55	LK-29D-10	1154	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611413	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-B	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
56	LK-29D-11	1155	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611414	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-C	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
57	LK-31A-14	1897	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 639491	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-C	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
58	LK-31A-15	1898	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 639492	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-B	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
59	LK-43A-03	2180	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 639774	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-B	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
60	LK-27A-17	1842	6	132	Đất ở tại nông thôn	CY 639450	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-A	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
61	LK-27A-19	1844	6	132	Đất ở tại nông thôn	CY 639452	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-C	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
62	LK-28D-06	1101	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 611360	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-A	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020

63	LK-28D-07	1102	6	162	Đất ở tại nông thôn	CY 611361	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-E	89,75	329,72	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
64	LK-31A-12	1895	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 639489	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-D	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
65	LK-31A-13	1896	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 639490	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-B	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
66	LK-43A-01	2173	6	162	Đất ở tại nông thôn	CY 639767	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-E	89,75	329,72	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
67	LK-43A-12	2176	6	156	Đất ở tại nông thôn	CY 639770	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-E	89,75	329,72	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
68	LK-43A-14	2178	6	123	Đất ở tại nông thôn	CY 639772	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-A	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020
69	LK-43A-02	2179	6	120	Đất ở tại nông thôn	CY 639773	1/2/2021	Sở TNMT	SH2-A	93,33	340,44	4	Nhà ở liền kề	Văn bản số 6112/SXD-QLXD ngày 13/11/2020